

Số: /KH-UBND

Thành phố Cao Bằng, ngày tháng 3 năm 2025

KẾ HOẠCH

Quan trắc môi trường, kiểm soát ô nhiễm môi trường tại một số điểm nhạy cảm trên địa bàn thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng năm 2025

I. TÊN NHIỆM VỤ:

Quan trắc môi trường, kiểm soát ô nhiễm môi trường tại một số điểm nhạy cảm trên địa bàn thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng năm 2025.

II. CƠ QUAN QUẢN LÝ

- Tên cơ quan: Ủy ban nhân dân thành phố Cao Bằng.
- Địa chỉ: Số 032, phố Đàm Quang Trung, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.
- Điện thoại liên hệ: 02063 853 603

III. CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ:

- Tên cơ quan: Phòng Nông nghiệp và Môi trường thành phố Cao Bằng.
- Địa chỉ: Số 032, phố Đàm Quang Trung, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.
- Đại diện theo pháp luật: ông Đàm Huy Hoàng, Chức vụ: Trưởng phòng.
- Điện thoại liên hệ: 0981.836.898

IV. CƠ QUAN PHỐI HỢP TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

- Ủy ban nhân dân phường, xã trên địa bàn thành phố Cao Bằng.
- Các cơ quan và tổ chức khác có liên quan tại địa phương.

V. SỰ CẦN THIẾT THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

Trong thời gian qua, việc đẩy mạnh hoạt động sản xuất, kinh doanh cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội tại thành phố Cao Bằng nói riêng và tỉnh Cao Bằng nói chung đã đạt được kết quả đáng khích lệ, nhưng cũng đã tạo ra sức ép không nhỏ đối với môi trường. Vấn đề ô nhiễm và suy thoái chất lượng môi trường do quá trình phát triển kinh tế - xã hội đã trở thành vấn đề nghiêm trọng, là một trong những thách thức cấp bách nhất trong sự nghiệp phát triển bền vững của thành phố, của tỉnh.

Để giải quyết vấn đề môi trường cấp bách nêu trên, cần phải phối hợp thực hiện bằng nhiều biện pháp, công cụ khác nhau, trong đó một trong những công cụ hiệu quả và phổ biến nhất hiện nay là quan trắc môi trường.

Quan trắc môi trường đóng vai trò quan trọng trong việc phát hiện, đánh giá, giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm môi trường, nguồn gây tác động đến sức khỏe con người và các loài sinh vật. Từ đó, đưa ra biện pháp phòng ngừa, ứng phó với tình trạng ô nhiễm, tạo ra một môi trường sống lành mạnh, bền vững cho con người và tự nhiên... Nhìn chung, quan trắc môi trường là hoạt động giám sát, đánh giá và dự báo quan trọng, mang ý nghĩa chiến lược trong công tác bảo vệ môi trường. Việc theo dõi diễn biến chất lượng đất, nước, không khí,... thông qua hoạt động quan trắc giúp cơ quan quản lý và các đơn vị có liên quan nhận diện và dự báo nguy cơ ô nhiễm môi trường, làm cơ sở cho việc hoạch định chính sách, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch bảo vệ môi trường.

VI. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ KỸ THUẬT

6.1. Căn cứ pháp lý:

- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;
- Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024;
- Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu;
- Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí thường xuyên;
- Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Căn cứ Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội;

- Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 12 tháng 01 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia giai đoạn 2016-2025, tầm nhìn đến năm 2030;

- Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường; Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 05 năm 2023 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

- Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường;

- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Căn cứ Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Bộ đơn giá sản phẩm hoạt động quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

- Căn cứ Quyết định số 2336/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Cao Bằng Quyết định về việc giao dự toán thu ngân sách trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2025.

6.2. Căn cứ kỹ thuật

Thông tư số 01/2023/TT-BTNMT ngày 13/3/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh (QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt; QCVN 09:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất).

VII. MỤC TIÊU NHIỆM VỤ

7.1. Mục tiêu chung

Tăng cường công tác quản lý, đánh giá chất lượng môi trường, kịp thời cung cấp thông tin, dữ liệu và nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, ngành, các tổ chức, cá nhân về quản lý môi trường, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Cao Bằng nói riêng và của tỉnh Cao Bằng nói chung một cách bền vững.

7.2. Mục tiêu cụ thể

- Quan trắc, phân tích, thu thập thông tin về các thành phần môi trường đất, nước và không khí nhằm kiểm soát tốt các tác động đến môi trường của khu vực dân cư, khu vực chợ và một số điểm nhạy cảm trên địa bàn thành phố Cao Bằng; kịp thời cung cấp thông tin số liệu để xây dựng báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm của thành phố Cao Bằng và phục vụ cho việc tổ chức quản lý về môi trường trong thời gian tới trên địa bàn Thành phố.

- Xác định mức độ ô nhiễm môi trường theo các Quy chuẩn Việt Nam hiện hành.

- Xác định nồng độ các thành phần ô nhiễm đặc trưng trong chất phát thải và chất lượng môi trường xung quanh theo các Quy chuẩn Việt Nam hiện hành.

- Kết quả quan trắc là căn cứ để cơ quan quản lý và các đơn vị có liên quan đưa ra các giải pháp để phòng ngừa và ứng phó tác động tiêu cực đến môi trường nếu có.

VIII. KIỂU QUAN TRẮC, THÀNH PHẦN MÔI TRƯỜNG QUAN TRẮC VÀ CÁC THÔNG SỐ QUAN TRẮC THEO THÀNH PHẦN

8.1 Kiểu quan trắc

Quan trắc môi trường tác động: mẫu không khí, mẫu nước thải.

8.2 Thành phần môi trường quan trắc và các thông số quan trắc

STT	Thành phần môi trường cần quan trắc	Các thông số cần quan trắc
1	Mẫu không khí	Nhiệt độ, độ ẩm, vận tốc, hướng gió, độ ồn, tổng bụi lơ lửng, bụi PM ₁₀ ; SO ₂ ; NO ₂ ; CO; Pb; H ₂ S.
2	Mẫu nước mặt	pH, độ đục, TSS, BOD ₅ , COD, NO ₃ ⁻ , SO ₄ ²⁻ , NO ₂ ⁻ , NH ₄ ⁺ , Cl ⁻ , CN ⁻ , Cd, As, Pb, Cr ⁶⁺ , Mn, Hg, Fe, Cu, Zn, tổng dầu, mỡ, tổng N, tổng P, Coliform, Phenol tổng số.
3	Mẫu đất	As, Cd, Pb, Cr ⁶⁺ , Cu, Zn, Ni.

8.3. Địa điểm quan trắc, vị trí các điểm quan trắc

8.3.1. *Địa điểm quan trắc:* Một số điểm nhạy cảm trên địa bàn thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

8.3.2. *Vị trí quan trắc:* Các vị trí lấy mẫu quan trắc dự kiến trong năm 2025 được bố trí như sau: (tại phụ lục kèm theo).

8.3.3. Tần suất, thời gian quan trắc

- Tần suất: 02 lần/năm.

- Thời gian quan trắc: Năm 2025.

9. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng

9.1. Các tiêu chuẩn áp dụng

- TCVN 5994:1995 (ISO 5667-4: 1987): Chất lượng nước – Lấy mẫu – Hướng dẫn lấy mẫu ở hồ ao tự nhiên và nhân tạo.
- TCVN 5999:1995 (TCVN 5999:1995): Chất lượng nước - Lấy mẫu – Hướng dẫn lấy mẫu nước thải.
- TCVN 7538-2:2005 (ISO 10381 - 2:2002): Chất lượng đất - Lấy mẫu - Phần 2: Hướng dẫn kỹ thuật lấy mẫu.
- TCVN 7538-1:2006 (ISO 10381-1:2002): Chất lượng đất - Lấy mẫu - Phần 1: Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu.
- TCVN 7538-4:2007 (ISO 10381-4:2003): Chất lượng đất – Lấy mẫu – Phần 4: Hướng dẫn quy trình điều tra các vùng tự nhiên, bán tự nhiên và vùng canh tác.
- TCVN 7538-5:2007 (ISO 10381-5:2005): Chất lượng đất – Lấy mẫu – Phần 5: Hướng dẫn quy trình điều tra các vùng đô thị và vùng công nghiệp liên quan đến nhiễm bẩn đất.
- TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006): Chất lượng nước - Lấy mẫu - Phần 1: Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
- TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006): Chất lượng nước – Lấy mẫu để phân tích vi sinh vật.
- TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012): Chất lượng nước - Lấy mẫu - Phần 3: Bảo quản và xử lý mẫu nước.
- TCVN 9466:2017 (ASTM D6009-12): Chất thải rắn - Hướng dẫn lấy mẫu từ đồng chất thải.
- TCVN 6663-6:2018 (ISO 5667-6:2014): Chất lượng nước - Lấy mẫu - Phần 6: Hướng dẫn lấy mẫu nước sông và suối.
- TCVN 6663-4:2018 (ISO 5667-14:2014): Chất lượng nước - Lấy mẫu - Phần 14: Hướng dẫn về đảm bảo và kiểm soát chất lượng nước được lấy mẫu và xử lý.

9.2. Các quy chuẩn áp dụng

- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

- QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

- QCVN 03:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của một số kim loại nặng trong đất.

- QCVN 09:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

10. Danh mục các thiết bị thực hiện và phương tiện phục vụ hoạt động lấy mẫu, vận chuyển mẫu

10.1. Danh mục các thiết bị thực hiện lấy mẫu

- Máy định vị vệ tinh GPSMap78;
- Thiết bị đo nhanh đa khí (CO, CO₂, NO, NO₂);
- Thiết bị đo vi khí hậu Kestrel 5000;
- Phương tiện đo vi khí hậu MS6300;
- Thiết bị thi mẫu khí lưu lượng thấp QC-2;
- Thiết bị thi mẫu khí lưu lượng thấp (VHH-MTQS);
- Thiết bị thu mẫu khí lưu lượng thấp (LP-5);
- Thiết bị thu mẫu khí lưu lượng thấp UNI-VOS;
- Thiết bị đo nhanh đa chỉ tiêu trong nước HANA –HI98194;
- Thiết bị đo nhanh đa chỉ tiêu trong nước HANNA HI 9813-6;
- Thiết bị đo pH cầm tay Hanna HI-99121;
- Thiết bị đo độ đục trong nước Hanna HI 98703;
- Thiết bị đo vận tốc dòng chảy Flowatch;
- Dụng cụ lấy mẫu nước;
- Bộ dụng cụ lấy mẫu đất.

10.2. Phương tiện, thiết bị bảo hộ lao động phục vụ hoạt động lấy mẫu, vận chuyển mẫu

- Thiết bị bảo hộ, đảm bảo an toàn lao động: Trang phục bảo hộ lao động, khẩu trang, găng tay, mũ, dây lưng an toàn,...

- Phương tiện phục vụ hoạt động lấy mẫu, vận chuyển mẫu: Hộp bảo quản mẫu, xe chuyên dụng,...

11. Biện pháp kiểm soát chất lượng (QA/QC)

11.1. QA/QC trong hoạt động lấy mẫu

Xác định chính xác vị trí cần lấy mẫu, cụ thể hóa các chỉ tiêu cụ thể trong phiếu yêu cầu lấy mẫu bao gồm: Các thông số cần quan trắc, tên thông số, đơn vị đo.

Lựa chọn phương pháp quan trắc: Phương pháp quan trắc phải phù hợp với thông số quan trắc. Phương pháp quan trắc được lựa chọn phải còn hiệu lực và phù hợp với pháp luật hiện hành về quan trắc môi trường và được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam thừa nhận.

Nhân viên lấy mẫu được trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động gồm: Quần áo bảo hộ; Mũ bảo hộ; Giày bảo hộ; Dây đai an toàn; khẩu trang y tế; Găng tay y tế và các đồ bảo hộ khác phục vụ đợt quan trắc.

11.2. Đảm bảo chất lượng lấy mẫu và vận chuyển

* Chuẩn bị lấy mẫu:

Xác định rõ mục tiêu của việc lấy mẫu để đảm bảo đầy đủ yêu cầu của chương trình quan trắc đã thiết lập công tác chuẩn bị rất cẩn thận và chi tiết.

- Các trang thiết bị quan trắc môi trường phù hợp với phương pháp đo, phương pháp thử đã được xác định, đáp ứng yêu cầu của phương pháp kỹ thuật và đo lường. Trang thiết bị được kiểm tra hiệu chuẩn trước khi đưa ra hiện trường.

- Dụng cụ chứa mẫu được chuẩn bị phù hợp với từng thông số quan trắc và được dán nhãn, đủ độ sạch yêu cầu của đối tượng phân tích theo độ chính xác của phương pháp thử nghiệm yêu cầu. Các dụng cụ đã được xử lý và kiểm tra trước khi sử dụng bằng phương pháp phù hợp cho từng nguyên tố hay đối tượng của các chất cần phân tích. Dụng cụ lấy mẫu không làm nhiễm bẩn và ảnh hưởng đến mẫu khi lấy và bảo quản. Đặc biệt là dụng cụ lấy mẫu phải lựa chọn phù hợp và chính xác để không có tương tác với các chất mẫu khi lấy.

- Hóa chất dùng bảo quản mẫu được chuẩn bị phù hợp cho từng chỉ tiêu phân tích, được bảo quản và dán nhãn thể hiện đầy đủ các thông tin về: tên hoặc loại hóa chất, mẫu chuẩn; tên nhà sản xuất; nồng độ; ngày chuẩn bị; thời gian; sử dụng.

* Bảo quản và vận chuyển mẫu:

- Các hóa chất sử dụng trong bảo quản mẫu có độ tinh khiết cần thiết, được bảo quản trong lọ nhỏ, kín, có nhãn mác rõ ràng.

- Các thông số như: pH, nhiệt độ, TDS đo tại chỗ bằng các thiết bị đo nhanh.

- Bảo quản lạnh đến giữa 1°C và 5°C, gồm các thông số: BOD₅, TSS, PO₄³⁻, Sunfua (H₂S).

- Axit hóa với H₂SO₄ đến pH từ 1 đến 2: amoni, COD.

- Axit hóa với HNO₃ đến pH từ 1 đến 2: với các kim loại.

- Bảo quản lạnh với Na₂S₂O₃ 0,008%: Tổng colifom.

11.3. QA/QC trong đo thử tại hiện trường:

Để kiểm soát chất lượng trong quá trình đo thử nghiệm tại hiện trường chúng tôi kiểm soát công việc dựa vào việc đo mẫu lặp: Hai phần của cùng một mẫu được chuẩn bị và đo độc lập với cùng một phương pháp. Mẫu này được dùng để đánh giá tập trung của kết quả đo thử tại hiện trường. Các thông số đo tại hiện trường thực hiện mẫu lặp bao gồm: pH, nhiệt độ.

11.4. QA/QC trong phòng phân tích

* *Đảm bảo chất lượng:*

- Để đảm bảo chất lượng trong phân tích tại phòng thí nghiệm: Sử dụng các phương pháp đã được tiêu chuẩn hóa phù hợp với yêu cầu quy định và đã được phê duyệt. Trang thiết bị của phòng thí nghiệm được hiệu chuẩn trước khi sử dụng. Việc vận hành bảo dưỡng trang thiết bị do cán bộ có đủ năng lực đảm nhiệm. Phòng thí nghiệm thường xuyên tham gia các chương trình so sánh liên phòng thí nghiệm và các chương trình thử nghiệm thành thạo để chứng minh sự phù hợp của các trang thiết bị liên quan; sử dụng các mẫu chuẩn hoặc chất chuẩn đã biết nồng độ từ nhà cung cấp hóa chất chuẩn có uy tín và được chứng nhận để kiểm tra trang thiết bị. Các mẫu sau khi phân tích xong được lưu và bảo quản trong thời gian theo quy định để sử dụng trong trường hợp cần kiểm tra lại.

- Trong quá trình xử lý số liệu và báo cáo kết quả: Các tài liệu, hồ sơ về hoạt động quan trắc có liên quan đến quá trình quan trắc tại hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm được lập đầy đủ, trung thực và kịp thời.

- Tất cả các tài liệu, hồ sơ gốc về hoạt động quan trắc, lưu trữ và quản lý theo quy định. Trung thực với kết quả đo, thử tại hiện trường cũng như kết quả phân tích trong phòng thí nghiệm.

- Việc lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường đảm bảo tính trung thực, kịp thời, chính xác và khách quan.

- Các phương pháp thực hiện phép thử đều được phê duyệt và thực hiện theo tiến trình đã công bố (SOP).

* *Kiểm soát chất lượng:*

- Để kiểm soát chất lượng trong quá trình quan trắc tại hiện trường, lấy mẫu và phân tích tại phòng thí nghiệm, tiến hành lấy một số loại mẫu QC để kiểm soát hiện tượng nhiễm bẩn và biến đổi mẫu.

- Để kiểm soát chất lượng phân tích, cơ sở đã sử dụng các loại mẫu QC như: Mẫu trắng (mẫu trắng thiết bị, vận chuyển thiết bị, phương pháp), mẫu lặp, mẫu thêm chuẩn, mẫu chuẩn đối chứng và mẫu chuẩn thẩm tra.

- Đánh giá độ chụm của mẫu lặp thông qua tính toán phần trăm sai khác tương đối của phép phân tích (RPD); tiêu chí chấp nhận là $RPD < 33\%$.

- Đánh giá mẫu thêm thông qua việc tính toán % thu hồi ® và tiêu chí chấp nhận R nằm trong khoảng 80 đến 120%.

- Đánh giá mẫu trắng thông qua việc đo đặc mẫu trắng và tiêu chí chấp nhận là giá trị đo mẫu trắng nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp.

XII. KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

12.1. Căn cứ lập dự toán:

- Luật Thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03/6/2008 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế số 106/2016/QH13 ngày 06/4/2016 của Quốc Hội;
- Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 101/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội;
- Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn việc quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;
- Nghị quyết số 29/2019/NQ-HĐND ngày 09/9/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định mức chi công tác phí, mức chi tổ chức hội nghị đối với cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ trên địa bàn tỉnh cao bằng ban hành kèm theo nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng;
- Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Bộ đơn giá sản phẩm hoạt động quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

12.2. Nguồn kinh phí: Kinh phí sự nghiệp môi trường năm 2025.

XIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Nông nghiệp và Môi trường thành phố

- Chủ trì triển khai thực hiện nội dung theo kế hoạch và dự toán được duyệt;
- Chủ động tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định hiện hành của pháp luật về đấu thầu;
- Ký kết hợp đồng quan trắc môi trường, lập hồ sơ thanh toán và lập báo cáo tổng hợp kết quả quan trắc chất lượng môi trường năm 2025 theo đúng kế hoạch.

2. Phòng Tài chính-Kế hoạch thành phố

- Chủ trì, phối hợp, hướng dẫn các đơn vị sử dụng nguồn kinh phí, thanh toán, quyết toán theo quy định hiện hành.

3. Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin thành phố

Thực hiện đăng tải Kế hoạch rộng khắp trên các phương tiện thông tin; Trang thông tin điện tử thành phố; mạng xã hội để tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân, các tổ chức đơn vị,...

Trên đây là Kế hoạch Quan trắc môi trường, kiểm soát ô nhiễm môi trường tại một số điểm nhạy cảm trên địa bàn thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cao Bằng./.

Nơi nhận:

- Sở NN & MT Cao Bằng (b/c);
- Thành ủy - HĐND Thành phố (b/c);
- Chủ tịch, các phó CT UBND TP;
- MTTQ & các Tổ chức Chính trị XH TP;
- Các phòng ban, đơn vị Thành phố;
- ĐU - HĐND - UBND - UB MTTQ các xã, phường thành phố CB;
- Trang thông tin điện tử TP;
- Lưu: VT, NNMT_(D).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Hùng Vĩ

PHỤ LỤC

**DANH SÁCH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG, KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG TẠI MỘT SỐ ĐIỂM NHẠY CẢM TRÊN ĐỊA
BÀN THÀNH PHỐ CAO BẰNG NĂM 2025**

TT	Tên điểm quan trắc	Chỉ tiêu quan trắc								
		Nước mặt			Không khí xung quanh			Mẫu đất		
		Số lượng mẫu	Tần suất	Tổng số mẫu	Số lượng mẫu	Tần suất	Tổng số mẫu	Số lượng mẫu	Tần suất	Tổng số mẫu
1	Đường Võ Nguyên Giáp				2	2	4			
2	Vườn hoa trung tâm				1	2	2			
3	Sông Bằng Giang (Sau chợ Xanh)	1	2	2						
4	Sông Bằng Giang (Sau Khách sạn Luxury)	1	2	2						
5	Sông Hiến (Cầu Gia Cung)	1	2	2						
6	Bãi rác Nà Lăn	1	2	2	1	2	2	1	2	2
7	Công ty Gang thép, Chu Trinh				1	2	2			
8	Cây xăng 03, Sông Hiến				1	2	2			
9	Cây xăng 3/10, Đề Thám				1	2	2			
	Tổng cộng			8			14			2

